

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang

2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Km8 – Công an tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Tôi và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 11 tháng 8 năm 2006 tại ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, tôi đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh T không nghe, từ đó mâu thuẫn vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra, anh T thường xuyên đánh chửi đuổi tôi, hai bên gia đình nội ngoại cũng khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến nay tôi xác định rất kỹ không thể chung sống được với anh T nữa. Anh T thường xuyên hành hạ đánh chửi tôi vô cớ, đánh tôi đến mức tôi phải đi viện, có những lúc đánh tôi, tôi phải chạy lên mái nhà để trốn, anh T sống với tôi không giúp tôi được kinh

tế để nuôi con, chỉ đi cò bạc nợ nần về nhà đánh chửi hành hạ tôi. Tháng 9/2021 tôi và các con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi sinh sống, thời gian đó tôi đã đến Toà án nhân dân huyện Văn Yên làm đơn ly hôn. Sau đó Toà án nhân dân huyện Văn Yên báo tôi và anh T đến, anh T đến chửi bới tôi tại Toà án vì thương con, bố mẹ anh T và các bác lên xin và bảo tôi về. Sau đó tôi cùng các con về nhà thì anh T vẫn không thay đổi và vẫn như trước đây. Sau đó một thời gian anh T lại phạm tội. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 cháu: Phạm Thị Hà V sinh ngày 26/5/2007; Phạm Việt A sinh ngày 23/02/2018; Phạm Bảo A sinh ngày 23/02/2018. Hiện nay cả 03 con đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả ba con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm thuê và làm nông tại nhà thu nhập một tháng 12.000.000đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Phạm Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân vào ngày 25/12/2005 tôi có làm quen với chị Nguyễn Thị D ở xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến tháng 8/2006 gia đình bố mẹ đôi bên tác hợp cho tôi là Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị D được kết hợp và đi đến hôn nhân và tổ chức đám cưới vào ngày 06/8/2006 và đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2006 do đôi bên chúng tôi tự nguyện không do ai ép buộc. Trong suốt 17 năm qua chúng tôi chung sống cùng nhau hoà thuận. Nhưng vào năm 2015 vợ tôi có ngoại tình với anh Đ ở thị trấn M và tôi đã bắt gặp quả tang, khi đó tôi có ghen và đánh nhau với anh Đ và bị Công an xã A, huyện V xử lý hành chính tôi 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng chẵn). Về nhà vợ chồng tôi ngồi nói chuyện với nhau và tôi đã vì con và gia đình nhỏ này tôi đã chấp nhận vợ tôi xin lỗi và tha thứ cho cô ấy về tiếp tục làm ăn và nuôi con cái. Đến năm 2018 vợ chồng tôi có thêm hai cháu là Phạm Bảo A và Phạm Việt A và con gái cả là Phạm Hà V sinh năm 2007. Đến năm 2020 tôi có vi phạm quy định khai thác rừng và bảo vệ lâm sản và bị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xử 06 tháng tù giam. Trong thời gian tôi đi thi hành án tại Trại giam Hồng Ca chị D vợ tôi ở nhà đã ngoại tình lần thứ hai tại nhà nghỉ Á xã M, huyện V và bị bố mẹ chồng và em chú Phạm Văn Th bắt gặp quả tang và chị D có làm giấy cam đoan không quan hệ bất chính nữa. Đến năm 2022 tôi có cãi nhau với vợ về chuyện vợ tôi có quan hệ tình cảm với cha xứ là Nguyễn Tri H, trước đây có làm cha xứ ở nhà thờ A, khi đó có quen tôi và vợ. Cha H đã thường xuyên gọi điện thoại, nhắn tin cho vợ tôi gửi bánh kẹo, quần áo cho vợ tôi và rất nhiều lần chuyển tiền tài khoản cho vợ tôi ăn tiêu lên không làm ăn công việc gì ra tiền nên tôi đã ghen và cãi nhau rất nhiều lần với vợ tôi về chuyện này. Đến ngày 20/10/2023 tôi đang cải tạo tại Trại giam Công an tỉnh Yên Bái thì vợ tôi có gửi đơn ly hôn vào trại khi tinh thần tôi không được tốt nên tôi chưa thể chấp nhận ly hôn vợ tôi, tôi đề nghị Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái giúp đỡ tôi hoãn lại vụ ly hôn này đến ngày 08/5/2024 tôi trở về xã hội mới giải quyết ly hôn với chị D được và có rất nhiều chuyện cần giải quyết với chị đó vì chị đó sống không có chút tình người khi tôi đang trong tù.

Về con chung: Vợ chồng tôi cưới nhau năm 2006 đến 2007 có sinh được bé gái là Phạm Hà V, sau 17 năm tôi và vợ tôi vất vả chạy chữa vì vợ tôi không có mang tự do được và bị bệnh u nang buồng trứng, tôi đã mất rất nhiều tiền để chạy

chữa cho vợ tôi đến năm 2018 vợ tôi có sinh thêm hai cháu là Phạm Bảo A và Phạm Việt A. Về việc chị D đòi quyền nuôi tất cả ba đứa con thì tôi hoàn toàn không nhất trí và chị không đủ tư cách và nhân phẩm để nuôi dưỡng con tôi, nói về tình cảm và đạo đức làm vợ tôi không để chị D nuôi con tôi. Mong được Toà án xem xét cho tôi trong hoàn cảnh này.

Về tài sản chung: Sau khi cưới nhau năm 2006 vợ chồng tôi được bố mẹ là ông Phạm Văn Th và mẹ là Phạm Thị T cho tôi một miếng đất ở rộng 04m dài 30m (mặt đường). Đến năm 2017 tôi có xây được căn nhà hai tầng hiện đang ở, vợ chồng tôi có một trang trại nhỏ để chăn nuôi để phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Năm 2018 tôi có mua của anh H người cùng thôn một miếng đất đồi quê trị giá 40.000.000đồng. Năm 2019 vợ chồng tôi mua được một ha đất quê ở xã M, huyện V. Năm 2016 tôi có mua của chị T một miếng đất đồi ở thôn C trị giá 30.000.000đồng và một số tài sản khác. Tôi không chấp nhận việc chia tài sản của vợ tôi khi tôi có 03 đứa con còn nhỏ.

Về nợ chung: Tôi và vợ tôi không nợ ai và không nợ Ngân hàng nhà nước.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Phạm Thị Hà V sinh ngày 26/5/2007; Phạm Việt A sinh ngày 23/02/2018; Phạm Bảo A sinh ngày 23/02/2018 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 11 tháng 8 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Chị D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh T không nghe, từ đó mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, anh T thường xuyên đánh chửi đuổi chị, hai bên gia đình nội ngoại cũng khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến nay chị D xác định rất kỹ không thể chung sống được với anh T nữa. Anh T thường xuyên hành hạ đánh chửi chị vô cớ, đánh chị đến mức chị phải đi viện, có những lúc đánh chị, chị phải chạy lên mái nhà để trốn, anh T sống với chị không giúp được kinh tế để nuôi con, chỉ đi cờ bạc nợ nần về nhà đánh chửi hành hạ chị. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Còn anh T cho rằng sau khi kết hôn trong suốt 17 năm qua anh chị chung sống cùng nhau hoà thuận. Chị D đã ngoại tình mấy lần và anh đã tha thứ. Vì chuyện chị D ngoại tình nên anh T đã ghen và cãi nhau rất nhiều lần với chị D về chuyện này. Nay chị D xin ly hôn anh T chưa thể chấp nhận ly hôn và đề nghị Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giúp đỡ anh hoãn lại vụ ly hôn này đến ngày 08/5/2024 anh T trở về xã hội mới giải quyết ly hôn với chị D được và có rất nhiều chuyện cần giải quyết với chị đó vì chị đó sống không có chút tình người khi anh T đang trong tù.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và quá trình xác minh tại địa phương đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T và anh chị không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị D được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 cháu: Phạm Thị Hà V sinh ngày 26/5/2007; Phạm Việt A sinh ngày 23/02/2018; Phạm Bảo A sinh ngày 23/02/2018. Khi ly hôn chị D nhận nuôi cả ba con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh T đang đi chấp hành án tại trại giam không có mặt ở nhà. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Do vậy cần giao cháu Phạm Thị Hà V; cháu Phạm Việt A; cháu Phạm Bảo A cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị D về nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Có 03 cháu: Phạm Thị Hà V sinh ngày 26/5/2007; Phạm Việt A sinh ngày 23/02/2018; Phạm Bảo A sinh ngày 23/02/2018.

Xử giao cháu Phạm Thị Hà V; Phạm Việt A; Phạm Bảo A cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001806 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã A.
- Lưu HS-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng